

Kính gửi: Quý nhà cung cấp

Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh kính mời các đơn vị có đủ năng lực và kinh nghiệm cung cấp hàng hoá theo yêu cầu dưới đây vui lòng gửi hồ sơ chào giá cho Bệnh viện theo nội dung cụ thể như sau:

1. Tên dự toán: Cung cấp bổ sung hoá chất nội kiểm và ngoại kiểm phục vụ công tác đảm bảo chất lượng xét nghiệm năm 2023.
2. Phạm vi cung cấp: Chi tiết theo phụ lục đính kèm.
3. Thời gian thực hiện hợp đồng: 6 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.
4. Loại hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định.
5. Địa điểm thực hiện: Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh, 215 Hồng Bàng, Phường 11, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.
6. Hiệu lực của hồ sơ chào giá: Tối thiểu 6 tháng.
7. Yêu cầu về giá chào: giá chào đã bao gồm các loại thuế, phí, lệ phí theo luật định, chi phí vận chuyển, giao hàng và các yêu cầu khác của bên mời thầu.
8. Thời gian nhận hồ sơ chào giá: Trước 16 giờ, ngày 10./.03./2023
9. Quy định về tiếp nhận thông tin và hồ sơ chào giá: Quý đơn vị thực hiện gửi hồ sơ chào giá online tại website của Bệnh viện và gửi bản giấy có ký tên, đóng dấu về địa chỉ sau đây: Khoa Dược- Kho Hoá chất xét nghiệm, Tầng B1, Khu A, Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh – Cơ sở 1, số 215 Hồng Bàng, Phường 11, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người liên hệ: Nguyễn Hồng Nga Số điện thoại: 028 3952 5876

10. Yêu cầu khác:

Hồ sơ chào giá của nhà thầu bao gồm các tài liệu sau:

- + Thư chào giá, bảng báo giá của nhà thầu (có ký tên, đóng dấu);
- + Hồ sơ pháp lý, hồ sơ năng lực của nhà thầu;
- + Hợp đồng trúng thầu còn hiệu lực đối với các mặt hàng đã trúng thầu tại các cơ sở y tế (nếu có);
- + Tài liệu kỹ thuật của hàng hóa (giấy chứng nhận đăng ký lưu hành, giấy chứng nhận lưu hành tự do (nếu có), catalogue sản phẩm và các tài liệu kỹ thuật liên quan khác).

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đơn vị Quản lý Đấu thầu (để đăng tin);
- Lưu: VT.KD (B03-059-nhnga) (3).

KT. GIÁM ĐỐC


Phạm Văn Tấn

DANH MỤC MỜI CHÀO GIÁ

(Kèm theo công văn số 458/BVĐHYD-KD ngày 01.tháng 03 năm 2023)

STT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Phân Nhóm	Đơn vị tính	Số lượng
1	Chứng âm sử dụng trong xét nghiệm định danh kháng thể kháng HLA	Chứng âm sử dụng trong xét nghiệm định danh kháng thể kháng HLA - Đóng gói: ≤ 50 test/ Hộp	Nhóm 3	Test	40
2	Hóa chất kiểm chuẩn máy cầm tay Control Level 1	Hóa chất kiểm chuẩn cho các hóa chất chẩn đoán (IVD) cho các thông số khí máu + điện giải + huyết học + sinh hóa dùng cho xét nghiệm nhanh tại chỗ (POCT) Công dụng: để kiểm tra và đánh giá độ chính xác của hóa chất chẩn đoán bao gồm CG8+, EG7+, EG6+, G3+, GRE, CG4+, EC8+, 6+, EC4+, E3+, G, CHEM8+ ở mức độ thấp. Thành phần gồm dung dịch đệm có chứa các chất phân tích đã biết trước nồng độ: Natri (≥118 mmol/L), PCO2 (≥65 mmHg), Glucose (≥285 mg/dL), Kali (≥3,0 mmol/L), PO2 (≥63 mmHg), Lactate (≥8,3 mmol/L), Clorua (≥76 mmol/L), Ure (≥44 mg/dL), Canxi ion hóa (≥0,9 mmol/L), Creatinin (≥4,65 mg/dL), pH (≥7,025) và chất bảo quản. Điều kiện bảo quản ở nhiệt độ lạnh: 2-8°C đến hết thời gian sử dụng được ghi trên nhãn hộp thuốc. Điều kiện bảo quản nhiệt độ phòng: 18-30°C sử dụng được trong vòng ≥5 ngày kể từ ngày lấy ra khỏi tủ lạnh. Đóng gói: ≤ 20 ống/ Hộp	Nhóm 3	Ống	40
3	Hóa chất kiểm chuẩn điện giải (đo trên máy cầm tay) Control Level 2	Hóa chất kiểm chuẩn cho các hóa chất chẩn đoán (IVD) cho các thông số khí máu + điện giải + huyết học + sinh hóa dùng cho xét nghiệm nhanh tại chỗ (POCT) Công dụng: để kiểm tra và đánh giá độ chính xác của hóa chất chẩn đoán bao gồm CG8+, EG7+, EG6+, G3+, GRE, CG4+, EC8+, 6+, EC4+, E3+, G, CHEM8+ ở mức độ trung bình. Thành phần gồm dung dịch đệm có chứa các chất phân tích đã biết trước nồng độ: Natri (≥124 mmol/L), PCO2 (≥40 mmHg), Glucose (≥160 mg/dL), Kali (≥4,0 mmol/L), PO2 (≥120 mmHg), Lactate (≥3,0 mmol/L), Clorua (≥94 mmol/L), Ure (≥8,4 mg/dL), Canxi ion hóa (≥1,35 mmol/L), Creatinin (≥1,59 mg/dL), pH (≥7,390) và chất bảo quản. Điều kiện bảo quản ở nhiệt độ lạnh: 2-8°C đến hết thời gian sử dụng được ghi trên nhãn hộp thuốc. Điều kiện bảo quản nhiệt độ phòng: 18-30°C sử dụng được trong vòng ≥5 ngày kể từ ngày lấy ra khỏi tủ lạnh. Đóng gói: ≤ 20 ống/ Hộp	Nhóm 3	Ống	40
4	Hóa chất kiểm chuẩn điện giải (đo trên máy cầm tay) Control Level 3	Hóa chất kiểm chuẩn cho các hóa chất chẩn đoán (IVD) cho các thông số khí máu + điện giải + huyết học + sinh hóa dùng cho xét nghiệm nhanh tại chỗ (POCT) Công dụng: để kiểm tra và đánh giá độ chính xác của hóa chất chẩn đoán bao gồm CG8+, EG7+, EG6+, G3+, GRE, CG4+, EC8+, 6+, EC4+, E3+, G, CHEM8+ ở mức độ cao. Thành phần gồm dung dịch đệm có chứa các chất phân tích đã biết trước nồng độ: Natri (≥150 mmol/L), PCO2 (≥26 mmHg), Glucose (≥65 mg/dL), Kali (≥6,3 mmol/L), PO2 (≥163 mmHg), Lactate (≥1,63 mmol/L), Clorua (≥119 mmol/L), Ure (≥4,6 mg/dL), Canxi ion	Nhóm 3	Ống	40

STT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Phân Nhóm	Đơn vị tính	Số lượng
		hóa ($\geq 1,58$ mmol/L), Creatinin ($\geq 0,65$ mg/dL), pH ($\geq 7,610$) và chất bảo quản. Điều kiện bảo quản ở nhiệt độ lạnh: 2-8°C đến hết thời gian sử dụng được ghi trên nhãn hộp thuốc. Điều kiện bảo quản nhiệt độ phòng: 18-30°C sử dụng được trong vòng ≥ 5 ngày kể từ ngày lấy ra khỏi tủ lạnh. Đóng gói: ≤ 20 ống/ Hộp			
5	Hóa chất kiểm chuẩn iPTH (QC)	Hóa chất kiểm chuẩn iPTH QC, gồm 3 mức nồng độ, dạng đông khô - Dùng cho chẩn đoán in vitro khi theo dõi độ chụm và độ chính xác của xét nghiệm PTH. - Thành phần: sau khi hòa tan, gồm peptide tổng hợp PTH nguyên vẹn ở các nồng độ khác nhau; dung dịch muối đệm; huyết tương EDTA người; chất ức chế serine protease; chất hoạt động bề mặt; chất bảo quản. - Điều kiện bảo quản: 2-8°C. - Đóng gói: ≤ 30 mL/ Hộp	Nhóm 3	mL	12
6	Dung dịch kiểm chuẩn CK-MB Control mức thấp	Chất kiểm chuẩn mức 1 cho xét nghiệm CK-MB. - Thành phần: Huyết thanh người dạng đông khô chứa creatine kinase-MB isoenzyme - Bảo quản: chưa mở bảo quản ở 2-8°C. Đóng gói: ≤ 10 mL/ hộp - Phù hợp với hóa chất CK-MB	Nhóm 3	mL	14
7	Dung dịch kiểm chuẩn CK-MB Control mức cao	Chất kiểm chuẩn mức 2 cho xét nghiệm CK-MB. - Thành phần: Huyết thanh người đông khô chứa creatine kinase-MB isoenzyme. - Bảo quản: chưa mở bảo quản ở 2-8°C. - Đóng gói: ≤ 10 mL/ hộp - Phù hợp với hóa chất CK-MB	Nhóm 3	mL	28
8	Hóa chất nội kiểm Interleukin 6	Hóa chất kiểm chuẩn (control) xét nghiệm Interleukin 6. Gồm 3 mức nồng độ khác nhau: thấp, trung bình và cao. Đóng gói: ≤ 40 mL/ hộp	Nhóm 3	mL	15
9	Dung dịch kiểm chuẩn Rubella IgG QC	Chất kiểm chứng của xét nghiệm định tính và định lượng Rubella IgG Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: QC1: Huyết tương người, không chứa kháng thể IgG đặc hiệu với rubella QC2: Huyết tương người, chứa kháng thể IgG đặc hiệu với rubella ở nồng độ thấp (giá trị trung bình đích nằm trong khoảng 22-43 IU/mL) Bảo quản: 2-10°C Đóng gói: ≤ 20 mL/ hộp	Nhóm 3	mL	30
10	Dung dịch kiểm chuẩn Rubella IgM QC	Chất kiểm chứng của xét nghiệm định tính Rubella IgM, gồm 2 mức nồng độ Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: QC1: Huyết tương người, âm tính (không phản ứng) đối với kháng thể IgM đặc hiệu với rubella. QC2: Huyết tương người, dương tính (phản ứng) đối với kháng thể IgM đặc hiệu với rubella. Bảo quản: 2-10°C Đóng gói: ≤ 20 mL/ hộp	Nhóm 3	mL	30
11	Dung dịch kiểm chuẩn CMV IgG QC	Chất kiểm chứng của xét nghiệm bán định lượng CMV IgG Thành phần: QC1: Huyết thanh hoặc huyết tương người, âm tính với kháng thể IgG đặc hiệu QC2: Huyết thanh hoặc huyết tương người, dương tính với kháng thể IgG đặc hiệu với CMV	Nhóm 3	mL	15

STT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Phân Nhóm	Đơn vị tính	Số lượng
		Bảo quản ở 2-10°C Đóng gói: ≤ 20 mL/ hộp			
12	Dung dịch kiểm chuẩn CMV IgM QC	Chất kiểm chứng của xét nghiệm định tính CMV IgM Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: QC1: Huyết thanh/huyết tương người, âm tính với kháng thể IgM đặc hiệu với CMV, QC2: Huyết thanh/huyết tương người, dương tính với kháng thể IgM đặc hiệu với CMV, Bảo quản ở 2-10°C Đóng gói: ≤ 20 mL/ hộp	Nhóm 3	mL	15
13	Dung dịch kiểm chuẩn HBsAg Qc	Chất kiểm chứng của xét nghiệm phát hiện HBsAg Thành phần: QC1: Huyết tương (người), HBsAg âm tính, QC2: Huyết tương (người), HBsAg dương tính, Bảo quản ở 2-10°C Đóng gói: ≤ 20 mL/ hộp	Nhóm 3	mL	72
14	Dung dịch kiểm chuẩn HIV Combo QC	Chất kiểm chứng của xét nghiệm định tính HIV combo Thành Phần: QC1: Huyết thanh người không chứa kháng nguyên HIV-1 và các kháng thể kháng HIV-1 (không phản ứng) QC2: Huyết thanh người chứa các kháng thể kháng HIV-1, QC3: kháng nguyên HIV-1 tinh sạch đã được xử lý nhiệt Bảo quản ở 2-10°C Đóng gói: ≤ 30 mL/ hộp	Nhóm 3	mL	53
15	Dung dịch kiểm chuẩn HCV Ab V3 QC	Chất kiểm chứng xét nghiệm định tính kháng thể HCV Thành Phần: QC1: Huyết thanh người. Âm tính (không phản ứng) với kháng thể kháng HCV. QC2: Huyết thanh người. Dương tính (phản ứng) với kháng thể kháng HCV. Bảo quản ở 2-10°C Đóng gói: ≤ 20 mL/ hộp	Nhóm 3	mL	42
16	Dung dịch kiểm chuẩn ADA Control mức 1 và 2	Chất kiểm chứng dùng cho xét nghiệm ADA mức 1 và 2, có nồng độ khác nhau - Thành phần: bột đông khô được sản xuất từ huyết thanh người (hoàn nguyên với nước) -Bảo quản: 2-8°C.	Nhóm 3	mL	4
17	Hóa chất kiểm chuẩn HbA1c Control bằng phương pháp đo độ đục	Hóa chất kiểm chứng cho xét nghiệm HbA1c. - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Các tế bào hồng cầu ở người, chất bảo quản và chất ổn định - Bảo quản: 2-8°C	Nhóm 6	mL	4
18	Hóa chất kiểm chuẩn ITA Control mức 1	Hóa chất kiểm chứng mức 1 cho các xét nghiệm đo độ đục miễn dịch - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Huyết thanh người chứa α-1 acidglycoprotein; Ferritin; α-1 antitrypsin; Haptoglobin; ASO; IgA; IgG; IgM; β-2 microglobulin; Ceruloplasmin; Prealbumin; C3; C4; RF; CRP; Transferrin -Bảo quản: 2-8°C. - Đóng gói: ≤ 10 mL/ hộp	Nhóm 3	mL	14
19	Hóa chất kiểm chuẩn ITA Control mức 2	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm miễn dịch đo độ đục mức 2; - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Huyết thanh người chứa α-1 acidglycoprotein; Ferritin; α-1 antitrypsin; Haptoglobin; ASO; IgA; IgG; IgM; β-2 microglobulin; Ceruloplasmin; Prealbumin; C3; C4;	Nhóm 3	mL	28

STT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Phân Nhóm	Đơn vị tính	Số lượng
		RF; CRP; Transferrin - Bảo quản: 2–8°C. - Đóng gói: ≤ 10 mL/ hộp			
20	Hóa chất kiểm chuẩn ITA Control mức 3	Hóa chất kiểm chứng mức 3 cho các xét nghiệm đo độ đục miễn dịch. - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: α-1 acidglycoprotein; Ferritin; α-1 antitrypsin; Haptoglobin; ASO; IgA; IgG; IgM; β-2 microglobulin; Ceruloplasmin; Prealbumin; C3; C4; RF; CRP; Transferrin. - Bảo quản: 2–8°C. - Đóng gói: ≤ 10 mL/ hộp	Nhóm 3	mL	28
21	Chất chuẩn calib cho xét nghiệm CRP hs	Chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm CRP có độ nhạy cao. Gồm ≥ 5 mức nồng độ - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Chất nền huyết thanh người dạng lỏng có chứa các lượng khác nhau của CRP người - Bảo quản: 2–8°C. - Đóng gói: ≤ 20 mL/ hộp - Phù hợp với hóa chất CRP siêu nhạy	Nhóm 3	mL	10
22	Hóa chất control kiểm chuẩn cho xét nghiệm định lượng hormon tăng trưởng	Chất kiểm chuẩn xét nghiệm định lượng hGH. Bao gồm: - Control hGH (level 1): hGH tái tổ hợp, huyết thanh/ huyết tương người - Control hGH (level 2): hGH tái tổ hợp, huyết thanh/ huyết tương người Bảo quản: 2-8°C Đóng gói: ≤ 20 mL/ hộp	Nhóm 3	mL	6
23	Dung dịch kiểm chuẩn Aldosterone control	Chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm định lượng Aldosterone Bao gồm: Tối thiểu gồm các thành phần: - Control level 1: Hormone tự do trong huyết thanh người chứa nồng độ thấp aldosterone - Control level 2: Hormone tự do trong huyết thanh người chứa nồng độ cao aldosterone Bảo quản: 2-8°C Đóng gói: ≤ 30 mL/ hộp	Nhóm 3	mL	18
24	Dung dịch kiểm chuẩn Control Direct Renin	Chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm định lượng renin, gồm 2 nồng độ khác nhau Bảo quản: 2-8°C	Nhóm 3	mL	16
25	Hóa chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm bán định lượng kháng thể đặc hiệu IgG với Chlamydia trachomatis control	Chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm bán định lượng Chlamydia Trachomatis IgG. Bao gồm: - Control âm: Huyết thanh/ huyết tương không phản ứng với kháng thể Chlamydia Trachomatis IgG - Control dương: Huyết thanh/ huyết tương có phản ứng với kháng thể Chlamydia Trachomatis IgG Bảo quản: 2-8°C Đóng gói: ≤ 10 mL/ hộp	Nhóm 3	mL	3
26	Hóa chất kiểm chuẩn control cho xét nghiệm định tính kháng thể đặc hiệu IgA với Chlamydia trachomatis	Chất kiểm chứng cho xét nghiệm định tính Chlamydia trachomatis IgA. Tối thiểu gồm các thành phần: - Chứng âm: Huyết thanh/huyết tương người không cho phản ứng kháng thể Chlamydia trachomatis IgA - Chứng dương: Kháng thể IgA tái tổ hợp kháng Chlamydia trachomatis Bảo quản: 2-8°C Đóng gói: ≤ 10 mL/ hộp	Nhóm 3	mL	3
27	Hóa chất control kiểm	Chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm định lượng Calcitonin.	Nhóm 3	mL	16

STT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Phân Nhóm	Đơn vị tính	Số lượng
	chuẩn cho xét nghiệm định lượng calcitonin	Bao gồm 2 mức nồng độ - Control 1, đông khô: Huyết thanh người, và calcitonin. Hoàn nguyên với ≥ 2 mL nước cất. - Control 2, đông khô: Huyết thanh người, calcitonin. Hoàn nguyên với ≥ 2 mL nước cất. Bảo quản control đông khô: 2-8°C. Đóng gói: ≤ 20 mL/ hộp			
28	Hóa chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm định tính kháng thể IgG đặc hiệu với Herpes simplex virus type 1 và/hoặc 2	Chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm định tính HSV-1/2 IgG. Bao gồm: Tối thiểu gồm các thành phần: - Control âm: huyết thanh/huyết tương người không phản ứng với kháng thể HSV IgM - Control dương: huyết thanh/huyết tương người phản ứng với kháng thể HSV IgM Bảo quản: 2-8°C Đóng gói: ≤ 20 mL/ hộp	Nhóm 3	mL	5
29	Hóa chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm định tính kháng thể IgM đặc hiệu với Herpes simplex virus type 1 và/hoặc 2	Chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm định tính HSV-1/2 IgM. Bao gồm: - Control âm: huyết thanh/huyết tương người không phản ứng với kháng thể HSV IgM - Control dương: huyết thanh/huyết tương người phản ứng với kháng thể HSV IgM Bảo quản: 2-8°C Đóng gói: ≤ 20 mL/ hộp	Nhóm 3	mL	5
30	Hóa chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm định tính với kháng thể đặc hiệu với Treponema pallidum	Hóa chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm định tính với kháng thể đặc hiệu với Treponema pallidum Bao gồm: - Chứng âm: Huyết thanh/ huyết tương người không phản ứng đối với xét nghiệm phát hiện kháng thể kháng Treponema pallidum - Chứng dương: Huyết thanh/ huyết tương người phản ứng đối với xét nghiệm phát hiện kháng thể kháng Treponema pallidum Bảo quản: 2-8°C Đóng gói: ≤ 20 mL/ hộp	Nhóm 3	mL	8
31	Hóa chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm định lượng kháng thể IgG đặc hiệu với virus VariCFSlla-zoster	Chất kiểm chứng cho xét nghiệm định lượng kháng thể IgG đặc hiệu với varicella-zoster virus trong mẫu huyết thanh hoặc huyết tương người. Bao gồm: - Chứng âm: Huyết thanh/ huyết tương người không phản ứng đối với kháng thể IgG kháng VZV, đệm TRIS-NaCl, - Chứng dương: Huyết thanh người/ huyết tương người phản ứng đối với kháng thể IgG kháng VZV, Bảo quản: 2-8°C Đóng gói: ≤ 10 mL/ hộp	Nhóm 3	mL	3
32	Hóa chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm định tính kháng thể đặc hiệu IgM với virus VariCFSlla-zoster	Chất kiểm chứng cho xét nghiệm định tính kháng thể IgM đặc hiệu với varicella-zoster virus trong mẫu huyết thanh hoặc huyết tương người. Bao gồm: - Chứng âm: Huyết thanh/huyết tương người không phản ứng với kháng thể VZV IgM - Chứng dương: Huyết thanh/huyết tương người phản ứng với kháng thể VZV IgM Bảo quản: 2-8°C Đóng gói: ≤ 10 mL/ hộp	Nhóm 3	mL	3
33	Hóa chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm bán định lượng kháng thể đặc hiệu IgG với	Chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm bán định lượng kháng thể Mycoplasma pneumoniae IgG. Bao gồm: - Control âm: huyết thanh/huyết tương người âm tính	Nhóm 3	mL	2

STT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Phân Nhóm	Đơn vị tính	Số lượng
	Mycoplasma pneumoniae	với kháng thể Mycoplasma pneumoniae IgG, - Control dương: huyết thanh/huyết tương người dương tính với kháng thể Mycoplasma pneumoniae IgG, Bảo quản: 2-8°C Đóng gói: ≤ 10 mL/ hộp			
34	Xét nghiệm định tính kháng thể đặc hiệu IgM với Mycoplasma pneumoniae	Hóa chất xét nghiệm định tính kháng thể Mycoplasma pneumoniae IgM trong mẫu huyết thanh hoặc huyết tương người. Bao gồm: Tối thiểu gồm các thành phần: - Hạt từ phủ bởi mycoplasmal lysate gắn peptide tái tổ hợp - Cal 1: Huyết thanh/huyết tương người âm tính với Mycoplasma pneumoniae IgM, - Cal 2: Các kháng thể IgM tái tổ hợp kháng Mycoplasma Pneumoniae - Kháng thể đơn dòng chuột lên kháng thể IgM người liên hợp với dẫn xuất isoluminol Dải đo: từ ≤ 0,1 đến ≥ 27 index value. Bảo quản: 2-8°C Đóng gói: ≤ 100 test/ hộp Độ đặc hiệu chẩn đoán: 97,8% Độ nhạy chẩn đoán: 99,1% Miễn dịch HPQ, kẹp gián tiếp hai bước, định tính, đã tích hợp calib. Độ ổn định 8 tuần sau khi mở nắp (bảo quản trên khoang thiết bị hoặc ở 2-8°C)	Nhóm 3	Test	50
35	Hóa chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm định tính kháng thể đặc hiệu IgM với Mycoplasma pneumoniae	Hóa chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm định tính kháng thể đặc hiệu IgM với Mycoplasma pneumoniae Bao gồm: - Chứng âm: Huyết thanh người/huyết tương người không phản ứng đối với kháng thể IgM kháng Mycoplasma pneumoniae - Chứng dương: Kháng thể IgM tái tổ hợp phản ứng đối với Mycoplasma pneumoniae Bảo quản: 2-8°C Đóng gói: ≤ 10 mL/ hộp	Nhóm 3	mL	3
36	Hóa chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm bán định lượng kháng thể IgG đặc hiệu với virus Sởi	Chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm bán định lượng kháng thể IgG đặc hiệu với virus bệnh sởi trong mẫu huyết thanh và huyết tương người. Bao gồm: - Chứng âm: Huyết thanh người/ huyết tương người đã loại fibrin không phản ứng đối với kháng thể IgG kháng virus sởi, - Chứng dương: Huyết thanh người/ huyết tương người đã loại fibrin phản ứng đối với kháng thể IgG kháng virus sởi, Bảo quản: 2-8°C Đóng gói: ≤ 10 mL/ hộp	Nhóm 3	mL	3
37	Control Measles IgM (Hóa chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm định tính kháng thể IgM đặc hiệu với virus Sởi)	Chất chuẩn cho xét nghiệm định tính kháng thể IgM đặc hiệu với virus bệnh sởi trong huyết thanh hoặc huyết tương người. Bao gồm: - Chứng âm: Huyết thanh người/ huyết tương người không phản ứng đối với kháng thể IgM kháng virus sởi, - Chứng dương: Kháng thể IgM kháng virus sởi Bảo quản: 2-8°C Đóng gói: ≤ 10 mL/ hộp	Nhóm 3	mL	3
38	Hóa chất kiểm chuẩn	Chất chuẩn cho xét nghiệm định tính kháng thể IgM	Nhóm 3	mL	3

STT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Phân Nhóm	Đơn vị tính	Số lượng
	cho xét nghiệm định tính kháng thể IgM đặc hiệu với virus gây bệnh Quai bị	đặc hiệu với virus quai bị trong huyết thanh hoặc huyết tương người. Bao gồm: Tối thiểu gồm các thành phần: - Chứng âm: Huyết thanh/huyết tương người không phản ứng đối với xét nghiệm phát hiện kháng thể IgM kháng virus quai bị - Chứng dương: Kháng thể IgM đặc hiệu với virus quai bị, Bảo quản: 2-8°C Đóng gói: ≤ 10 mL/ hộp			
39	Xét nghiệm bán định lượng kháng thể IgG đặc hiệu với virus gây bệnh Quai bị	Hóa chất xét nghiệm bán định lượng kháng thể IgG đặc hiệu với virus quai bị trong mẫu huyết thanh và huyết tương người. Bao gồm: Tối thiểu gồm các thành phần: - Hạt từ Phủ nucleoprotein virus quai bị - Cal 1: Huyết thanh người/ huyết tương người chứa IgG kháng virus quai bị ở nồng độ thấp - Cal 2: Huyết thanh người/ huyết tương người chứa IgG kháng virus quai bị ở nồng độ cao - Kháng thể (đơn dòng) kháng IgG (người) liên kết với một dẫn xuất isoluminol Dải đo: từ ≤ 5 đến ≥ 300 AU/mL Bảo quản: 2-8°C Đóng gói: ≤ 100 test/ hộp Độ đặc hiệu chẩn đoán: 98,2% Độ nhạy chẩn đoán 98,5% Miễn dịch HPQ, kẹp gián tiếp, hai bước, bán định lượng, đã tích hợp calib. - Độ ổn định 8 tuần sau khi mở nắp (bảo quản trên khoảng thiết bị hoặc ở 2-8°C)	Nhóm 3	Test	50
40	Hóa chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm bán định lượng kháng thể IgG đặc hiệu với virus gây bệnh Quai bị	Chất chuẩn cho xét nghiệm bán định lượng kháng thể IgG đặc hiệu với virus quai bị trong mẫu huyết thanh và huyết tương người. Bao gồm: - Control âm: Huyết thanh/ huyết tương không phản ứng đối với xét nghiệm phát hiện kháng thể IgG virus quai bị. - Control dương: Huyết thanh/ huyết tương phản ứng đối với xét nghiệm phát hiện kháng thể IgG virus quai bị. Bảo quản: 2-8°C Đóng gói: ≤ 10 mL/ hộp	Nhóm 3	mL	3
41	Hóa chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm định tính độc tố A và B của vi khuẩn Clostridium difficile	Chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm định tính độc tố A và B của Clostridium difficile. Bao gồm: - Chứng âm: Huyết thanh dê - Chứng dương (đồng khô): Huyết thanh dê, độc tố A, độc tố B của vi khuẩn C. difficile. Hoàn nguyên với dung dịch Bảo quản: 2-8°C Đóng gói: ≤ 30 mL/ hộp	Nhóm 3	mL	24
42	Hóa chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm sàng lọc phát hiện kháng nguyên của vi khuẩn C.Difficile	Chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm sàng lọc kháng nguyên C.Difficile GDH. Bao gồm: - Chất kiểm chứng âm tính: Đệm phosphat, chất hoạt động bề mặt - Chất kiểm chứng dương tính: Dạng đồng khô: GDH của C. difficile	Nhóm 3	mL	24

STT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Phân Nhóm	Đơn vị tính	Số lượng
		Bảo quản: 2-8°C Đóng gói: ≤ 40 mL/ hộp			
43	Hóa chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm định lượng Calprotectin trong phân người	Chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm định lượng Calprotectin trong phân người. Bao gồm: - Chất kiểm chứng âm tính (đông khô): Nồng độ kháng nguyên calprotectin tái tổ hợp ở mức thấp - Chất kiểm chứng dương tính (đông khô): Nồng độ kháng nguyên calprotectin tái tổ hợp ở mức cao Bảo quản: 2-8°C Đóng gói: ≤ 10 mL/ hộp	Nhóm 3	mL	4
44	Hóa chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm định lượng yếu tố tăng trưởng I giống Insulin	Chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm định lượng IGF I Bao gồm: - Control 1, nồng độ thấp, chứa IGF (người, tái tổ hợp) - Control 2, nồng độ cao: chứa IGF (người, tái tổ hợp) Bảo quản: 2-8°C Đóng gói: ≤ 10 mL/ hộp	Nhóm 3	mL	4
45	Hóa chất kiểm chứng cho xét nghiệm định lượng Thyroglobulin (Tg) ở người.	Hóa chất kiểm chứng cho xét nghiệm định lượng Thyroglobulin (Tg) ở người. Bao gồm: - Chất kiểm chứng mức thấp: dung dịch albumin người, thyroglobulin người - Chất kiểm chứng mức cao: dung dịch albumin người, thyroglobulin người Bảo quản: 2-8°C Đóng gói: ≤ 10 mL/ hộp	Nhóm 3	mL	4
46	Hóa chất kiểm chuẩn xét nghiệm phát hiện interferon- γ (IFN- γ) trong mẫu huyết tương người bằng công nghệ hóa phát quang	Hóa chất kiểm chứng xét nghiệm phát hiện interferon- γ (IFN- γ) trong mẫu huyết tương người bằng công nghệ hóa phát quang. Bao gồm 2 mức nồng độ khác nhau Bảo quản: 2-8°C Đóng gói: ≤ 10 mL/ hộp	Nhóm 3	mL	8
47	Hóa chất kiểm chứng Elastase-1 dùng cho máy xét nghiệm miễn dịch	Hóa chất kiểm chứng Elastase-1 dùng cho máy xét nghiệm miễn dịch -Chất kiểm chứng mức 1: Dạng bột đông khô: Kháng nguyên Elastase-1 (tái tổ hợp) ở nồng độ thấp -Chất kiểm chứng mức 2: Dạng bột đông khô: Kháng nguyên Elastase-1 (tái tổ hợp) ở nồng độ cao Bảo quản: 2-8°C Đóng gói: ≤ 10 mL/ hộp	Nhóm 3	mL	4
48	Dung dịch kiểm chuẩn cho xét nghiệm đông máu mức bất thường cao	Hóa chất dùng để kiểm chuẩn phù hợp cho xét nghiệm đông máu như PT, APTT, Hepatocomplex ở dải đo bất thường cao. - Thành phần dạng bột đông khô, chứa: huyết tương người, đệm, chất ổn định và chất bảo quản. - Bảo quản: 2 - 8 độ C. - Đóng gói: ≤ 20 mL/ hộp	Nhóm 3	mL	100
49	Bộ hồng cầu kiểm chuẩn	Bộ hồng cầu dùng cho kiểm chuẩn xét nghiệm nhóm máu trên máy phân tích nhóm máu gelcard ≥ 8 giếng - Thành phần: tối thiểu gồm Bộ hồng cầu kiểm chuẩn gồm 4 lọ A,B,AB,O - Bảo quản: 2-8 độ C - Độ nhạy và độ đặc hiệu: ≥ 99%. Đóng gói: ≤ 30 mL/ hộp	Nhóm 3	mL	96
50	Chất chuẩn mẫu nước tiểu Control mức 1;2	Chất chuẩn mẫu nước tiểu, gồm ≥ 2 mức nồng độ - Bảo quản: 2-8°C - Đóng gói: ≤ 150 mL/ hộp	Nhóm 3	mL	90
51	Dung dịch kiểm chuẩn xét nghiệm tim mạch	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm tim mạch gồm ≥ 3 mức nồng độ	Nhóm 3	mL	18

STT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Phân Nhóm	Đơn vị tính	Số lượng
52	Dung dịch kiểm chuẩn xét nghiệm miễn dịch mức thấp	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm miễn dịch mức thấp (có giá trị thấp cho cả các xét nghiệm chỉ tổ khối u và TgAb, TPO Ab) Thành phần: tối thiểu gồm Chất kiểm chứng dạng lỏng, được chuẩn bị từ huyết thanh người.	Nhóm 3	mL	40
53	Dung dịch kiểm chuẩn xét nghiệm miễn dịch mức trung bình	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm miễn dịch mức trung bình (có giá trị mức trung bình cho cả các xét nghiệm chỉ tổ khối u và TgAb, TPO Ab) Thành phần: tối thiểu gồm Chất kiểm chứng dạng lỏng, được chuẩn bị từ huyết thanh người.	Nhóm 3	mL	40
54	Dung dịch kiểm chuẩn xét nghiệm miễn dịch mức cao	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm miễn dịch mức cao (có giá trị mức cao cho cả các xét nghiệm chỉ tổ khối u và TgAb, TPO Ab) Thành phần: tối thiểu gồm Chất kiểm chứng dạng lỏng, được chuẩn bị từ huyết thanh người.	Nhóm 3	mL	40
55	Hóa chất nội kiểm miễn dịch cao cấp 3 mức IA PREMIUM PLUS 1,2 AND 3	Dạng đông khô, gồm 3 mức nồng độ. Làm từ 100% Huyết thanh người, chứa 54 thông số. Bao gồm cả β -2 - Microglobulin, CA15-3, CA19-9, CA125, Growth Hormone (GH), Oestradiol, Paracetamol, 1-25-(OH) $_2$ - Vitamin D*... Ổn định đến hạn tại 2-8°C.	Nhóm 3	mL	60
56	Hóa chất kiểm chuẩn HDL/LDL-Cholesterol Control	Hóa chất kiểm chứng cho xét nghiệm HDL/LDL-Cholesterol. Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Huyết thanh người dạng đông khô có chứa HDL-Cholesterol và LDL-Cholesterol - Bảo quản: 2-8°C. - Đóng gói: ≤ 50 mL/ hộp	Nhóm 4	mL	360
57	Dung dịch kiểm chuẩn HbA1c (GHb) Control	Hóa chất kiểm chứng HbA1c mức I và II, được sử dụng để kiểm soát hiệu năng của xét nghiệm định lượng Glycated Hemoglobin -Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Máu toàn phần, bột đông khô - Bảo quản: 2 – 8 độ C - đóng gói: ≤ 5 mL/ hộp	Nhóm 3	mL	10
58	Chất kiểm chuẩn xét nghiệm đo tải lượng HCV trên hệ PCR tự động	Bộ mẫu chứng dùng để xác định tính hợp lệ của xét nghiệm đo tải lượng virus HCV Thành phần: - Mẫu chứng âm tính: chứa huyết tương người âm tính - Mẫu chứng dương tính: chứa RNA® không gây nhiễm với chuỗi HCV trong huyết tương người âm tính Đóng gói: ≤ 100 mL/ Hộp	Nhóm 3	mL	23
59	Chất kiểm chuẩn xét nghiệm đo tải lượng HBV trên hệ PCR tự động	Bộ mẫu chứng dùng để xác định tính hợp lệ của xét nghiệm đo tải lượng virus HBV Thành phần: - Mẫu chứng âm tính: chứa huyết tương người âm tính đã loại bỏ fibrin. - Mẫu chứng dương tính: chứa huyết tương đã bất hoạt bằng nhiệt dương tính với DNA của HBV Đóng gói: ≤ 150 mL/ Hộp	Nhóm 3	mL	43
60	Chất kiểm chuẩn xét nghiệm genotype HPV trên hệ PCR tự động	Bộ mẫu chứng dùng để xác định tính hợp lệ của xét nghiệm genotype HPV Thành phần: - Mẫu chứng âm HR HPV Negative CTRL - Mẫu chứng dương HR HPV Positive CTRL Đóng gói: ≤ 20 mL/ Hộp	Nhóm 3	mL	14

STT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Phân Nhóm	Đơn vị tính	Số lượng
61	Chất kiểm chuẩn xét nghiệm CT, NG, TV, MG trên hệ PCR tự động	Bộ mẫu chứng dùng để xác định tính hợp lệ của xét nghiệm phát hiện RNA của CT, TV, MG và DNA của NG Thành phần: - Mẫu chứng âm tính - Mẫu chứng dương tính Đóng gói: ≤ 150 mL/ Hộp	Nhóm 3	mL	11
62	Dung dịch kiểm chuẩn HIV Ag/Ab combo	Hoá chất hiệu chứng xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang để phát hiện định tính đồng thời kháng nguyên HIV p24 và các kháng thể kháng virus gây suy giảm miễn dịch ở người loại 1 và/hoặc loại 2 (HIV-1/HIV-2) trong huyết thanh và huyết tương; - Thành phần: control âm và 3 nồng độ chứng dương - Điều kiện bảo quản: 2 đến 8°C - Đóng gói: ≤ 40 mL/ hộp	Nhóm 3	mL	30
63	Dung dịch kiểm chuẩn Hemoglobin A1c Control sử dụng cho máy sắc ký	Dung dịch kiểm chuẩn Hemoglobin A1c Control sử dụng cho máy sắc ký - Đặc tính, công dụng: kiểm soát chất lượng các máy phân tích Glycohemoglobin tự động, chế độ phân tích chuẩn và chế độ phân tích biến thể - Thành phần: được chuẩn bị từ tế bào máu người, với 2 mức level HbA1c & được đông khô. - Điều kiện bảo quản: 2-8 °C Đóng gói: ≤ 50 mL/ hộp	Nhóm 3	mL	8
64	Hóa chất control 1 kiểm chuẩn các thông số trong nước tiểu	+ Hóa chất nội kiểm 1 nước tiểu chứng dương + Đặc tính, công dụng: Dùng để hiệu chuẩn máy nước tiểu + Nhiệt độ bảo quản: 2-8 độ C, không tủ đông. Đóng gói: ≤ 300 mL/ hộp	Nhóm 3	mL	240
65	Hóa chất control 2 kiểm chuẩn các thông số trong nước tiểu	+ Hóa chất nội kiểm 2 nước tiểu chứng dương + Đặc tính, công dụng: Dùng để hiệu chuẩn máy nước tiểu + Nhiệt độ bảo quản: 2-8 độ C, không tủ đông. Đóng gói: ≤ 300 mL/ hộp	Nhóm 3	mL	240
66	Hóa chất kiểm tra chất lượng protein đặc biệt	Hóa chất kiểm tra chất lượng protein đặc biệt - Là huyết thanh chứng ở dạng lỏng sẵn sàng để sử dụng lấy từ huyết thanh người. Nồng độ của các thành phần mẫu chứng của Precipath Protein thường ở ngưỡng bệnh lý, dùng trong kiểm tra chất lượng để kiểm tra độ đúng và độ chính xác của các phương pháp định lượng. - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Huyết thanh người với phụ gia hóa học, kiểm chuẩn các xét nghiệm: Ferritin, CRP người và ASLO cừu. - Bảo quản ở 2 - 8°C.	Nhóm 3	mL	6
67	Hóa chất ngoại kiểm Huyết Học	Hóa chất ngoại kiểm Huyết học đáp ứng 11 thông số công thức máu trên hệ thông máy huyết học. Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: máu toàn phần. Mẫu dạng lỏng, Bảo quản: 2-8°C.	Nhóm 6	mL	24
68	Hóa chất ngoại kiểm Tim mạch	Hóa chất ngoại kiểm Tim mạch đáp ứng 11 thông số dấu ấn tim mạch. Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: huyết thanh người. Mẫu dạng đông khô, Bảo quản: 2-8°C.	Nhóm 6	mL	18
69	Hóa chất ngoại kiểm HIV/Viêm Gan	Hóa chất ngoại kiểm HIV/Viêm gan. Đáp ứng 16 thông số. Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: từ người. Mẫu dạng lỏng, Bảo quản: 2-8°C.	Nhóm 6	mL	43
70	Nội kiểm sinh hóa mức 2	Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Nội kiểm sinh hóa gồm 70 thông số có D-3-Hydroxybutyrate,	Nhóm 3	mL	600

STT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Phân Nhóm	Đơn vị tính	Số lượng
		Folate. Thành phần Huyết thanh nền từ người. Dạng Đông khô, Mức 2, Bảo quản: 2-8°C.			
71	Nội kiểm sinh hóa mức 3	Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Nội kiểm sinh hóa gồm 70 thông số có D-3-Hydroxybutyrate, Folate. Thành phần Huyết thanh nền từ người. Dạng Đông khô, Mức 3, Bảo quản: 2-8°C.	Nhóm 3	mL	600
72	Nội kiểm tiền sản mức 1	Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Nội kiểm sàng lọc trước sinh gồm 06 thông số có Inhibin A. Thành phần: 100% Huyết thanh từ người. Dạng Đông khô, Mức 1, Bảo quản: 2-8°C.	Nhóm 3	mL	3
73	Nội kiểm tiền sản mức 2	Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Nội kiểm sàng lọc trước sinh gồm 06 thông số có Inhibin A. Thành phần: 100% Huyết thanh từ người. Dạng Đông khô, Mức 2, Bảo quản: 2-8°C.	Nhóm 3	mL	3
74	Nội kiểm tiền sản mức 3	Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Nội kiểm sàng lọc trước sinh gồm 06 thông số có Inhibin A. Thành phần: 100% Huyết thanh từ người. Dạng Đông khô, Mức 3, Bảo quản: 2-8°C.	Nhóm 3	mL	3
75	Nội kiểm sinh hóa nước tiểu mức 2	Nội kiểm sinh hóa nước tiểu gồm 24 thông số. Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: 100% từ nước tiểu người. Dạng Đông khô, Mức 2, Bảo quản: 2-8°C.	Nhóm 3	mL	240
76	Nội kiểm sinh hóa nước tiểu mức 3	Nội kiểm sinh hóa nước tiểu gồm 24 thông số. Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: 100% từ nước tiểu người. Dạng Đông khô, Mức 3, Bảo quản: 2-8°C.	Nhóm 3	mL	240
77	Nội kiểm các Protein đặc hiệu mức 1	Nội kiểm Protein đặc hiệu gồm 26 thông số có CRP, Haptoglobin, IgA, IgE, IgG, IgM, RF, RBP... Thành phần: 100% huyết thanh người. Dạng lỏng, Mức 1, Bảo quản: 2-8°C.	Nhóm 3	mL	3
78	Nội kiểm các Protein đặc hiệu mức 2	Nội kiểm Protein đặc hiệu gồm 26 thông số có CRP, Haptoglobin, IgA, IgE, IgG, IgM, RF, RBP... Thành phần: 100% huyết thanh người. Dạng lỏng, Mức 2, Bảo quản: 2-8°C.	Nhóm 3	mL	3
79	Nội kiểm các Protein đặc hiệu mức 3	Nội kiểm Protein đặc hiệu gồm 26 thông số có CRP, Haptoglobin, IgA, IgE, IgG, IgM, RF, RBP... Thành phần: 100% huyết thanh người. Dạng lỏng, Mức 3, Bảo quản: 2-8°C.	Nhóm 3	mL	3
80	Nội kiểm nước tiểu sử dụng cho máy đo bán định lượng các chất trong nước tiểu	Sản phẩm sử dụng máy xét nghiệm nước tiểu tự động hoàn toàn, công suất ≥ 270 mẫu/giờ Bao gồm: UC-CONTROL-L và UC-CONTROL-H và bao gồm các thông số sau đây Urobilinogen (URO), Máu (Hemoglobin) (BLD), Bilirubin (BIL), Ketones (KET), Glucose (GLU), Protein (PRO), pH, Nitrite (NIT), Bạch cầu (LEU), Creatinine CRE), Albumin (ALB), Tỉ trọng (SG). Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Nước tiểu người; 5-Chloro-2-methyl-2,3-dihydroisothiazol-3-one và 2-Methyl-2,3-dihydro isothiazol-3-one Độ bền: Sau khi mở, ổn định ≥ 30 ngày ở 2-8°C Bảo quản: 2 - 08 độ C	Nhóm 3	mL	60
81	Hóa chất nội kiểm dịch cơ thể của máy xét nghiệm huyết học	Hóa chất nội kiểm dịch cơ thể của máy xét nghiệm huyết học kèm theo bảng giá trị cho 7 thông số báo cáo của xét nghiệm dịch cơ thể. Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Các vật liệu có nguồn gốc từ người được sử dụng làm chế phẩm Hóa chất nội kiểm dịch cơ thể đều không phản ứng với kháng nguyên Viêm gan B, âm tính với kháng thể HIV (HIV-1/HIV-2) và viêm gan C, không phản ứng với HIV-1 RNA và HCV RNA với phương pháp NAT, và	Nhóm 3	mL	96

STT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Phân Nhóm	Đơn vị tính	Số lượng
		không phản ứng với xét nghiệm huyết thanh học như Giang mai sử dụng kỹ thuật chuyên biệt bởi cục quản lý dược phẩm và thực phẩm Hoa kỳ Hóa chất nội kiểm dịch cơ thể được sử dụng như chất chuẩn (Control) ở chế độ dịch cơ thể. Bảo quản: 2 - 8 độ C			
82	Hóa chất nội kiểm mức thấp của máy xét nghiệm huyết học	Hóa chất nội kiểm nồng độ thấp của máy xét nghiệm huyết học đính kèm bảng giá trị cho 55 thông số báo cáo. Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Các vật liệu có nguồn gốc từ người được sử dụng làm chế phẩm Hóa chất nội kiểm Level 1 đều không phản ứng với kháng nguyên Viêm gan B, âm tính với kháng thể HIV (HIV-1/HIV-2) và viêm gan C, không phản ứng với HIV-1 RNA và HCV RNA với phương pháp NAT, và không phản ứng với xét nghiệm huyết thanh học như Giang mai sử dụng kỹ thuật chuyên biệt bởi cục quản lý dược phẩm và thực phẩm Hoa kỳ Hóa chất nội kiểm mức thấp được sử dụng như chất chuẩn (Control) cho xét nghiệm công thức máu hoàn chỉnh (CBC), tách phân các thành phần bạch cầu, hồng cầu nhân (NRBC), và hồng cầu lưới (RET) trên dòng máy huyết học. Bảo quản: 2 - 8 độ C	Nhóm 3	mL	99
83	Hóa chất nội kiểm mức trung bình của máy xét nghiệm huyết học	Hóa chất nội kiểm nồng độ trung bình của máy xét nghiệm huyết học đính kèm bảng giá trị cho 55 thông số báo cáo. Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Các vật liệu có nguồn gốc từ người được sử dụng làm chế phẩm Hóa chất nội kiểm Level 1 đều không phản ứng với kháng nguyên Viêm gan B, âm tính với kháng thể HIV (HIV-1/HIV-2) và viêm gan C, không phản ứng với HIV-1 RNA và HCV RNA với phương pháp NAT, và không phản ứng với xét nghiệm huyết thanh học như Giang mai sử dụng kỹ thuật chuyên biệt bởi cục quản lý dược phẩm và thực phẩm Hoa kỳ Hóa chất nội kiểm mức trung bình được sử dụng như chất chuẩn (Control) cho xét nghiệm công thức máu hoàn chỉnh (CBC), tách phân các thành phần bạch cầu, hồng cầu nhân (NRBC), và hồng cầu lưới (RET) trên dòng máy huyết học. Bảo quản: 2 - 8 độ C	Nhóm 3	mL	90
84	Hóa chất nội kiểm mức cao của máy xét nghiệm huyết học	Hóa chất nội kiểm nồng độ cao của máy xét nghiệm huyết học đính kèm bảng giá trị cho 55 thông số báo cáo. Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Các vật liệu có nguồn gốc từ người được sử dụng làm chế phẩm Hóa chất nội kiểm Level 1 đều không phản ứng với kháng nguyên Viêm gan B, âm tính với kháng thể HIV (HIV-1/HIV-2) và viêm gan C, không phản ứng với HIV-1 RNA và HCV RNA với phương pháp NAT, và không phản ứng với xét nghiệm huyết thanh học như Giang mai sử dụng kỹ thuật chuyên biệt bởi cục quản lý dược phẩm và thực phẩm Hoa kỳ Hóa chất nội kiểm mức cao được sử dụng như chất chuẩn (Control) cho xét nghiệm công thức máu hoàn chỉnh (CBC), tách phân các thành phần bạch cầu, hồng cầu nhân (NRBC), và hồng cầu lưới (RET) trên dòng	Nhóm 3	mL	90

STT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Phân Nhóm	Đơn vị tính	Số lượng
		máy huyết học. Bảo quản: 2 - 8 độ C			
85	Chất kiểm chuẩn cho các xét nghiệm: HCVAb, HBsAg, TPAb, HIVAb	Chất kiểm chuẩn các xét nghiệm HBs antigen, HCV antibody, TP antibody, HIV antibody and HTLV-1 antibody trên hệ thống miễn dịch tự động hóa phát quang trực tiếp gắn enzym sử dụng chất nền Bao gồm 2 mức nồng độ Bảo quản: 2 - 8 độ C	Nhóm 3	mL	54
86	Chất kiểm chuẩn Hb A2 bệnh lý	-Tên mô tả hàng hóa: Hóa chất kiểm chuẩn HbA2 bệnh lý -Đặc tính, công dụng của hàng hóa: Chất kiểm chuẩn cho Hb A2 bất thường được sử dụng để kiểm soát chất lượng định lượng huyết sắc tố A2 ở người bằng quy trình điện di trên thạch và điện di mao quản -Thành phần hóa chất/vật tư: Tối thiểu gồm các thành phần: Nguồn gốc từ nhiều mẫu máu người có tỷ lệ huyết sắc tố A2 tăng, được sản xuất dưới dạng đông khô ổn định hóa. -Điều kiện bảo quản: Cất giữ chất kiểm chuẩn đông khô trong tủ lạnh (2 đến 8 độ C)	Nhóm 3	mL	2
87	Hóa chất ngoại kiểm Dịch Não Tủy	Hóa chất ngoại kiểm Dịch não tủy có 7 thông số trên hệ thống máy xét nghiệm sinh hóa. Mẫu dạng lỏng, Bảo quản: 2-8°C.	Nhóm 6	mL	18
88	Hóa chất ngoại kiểm Đông Máu	Hóa chất ngoại kiểm Đông máu đáp ứng 5 thông số Đông máu cơ bản trên hệ thống máy Đông máu. Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: huyết tương người. Mẫu dạng đông khô, Bảo quản: 2-8°C.	Nhóm 6	mL	6
89	Hóa chất ngoại kiểm HbA1c	Hóa chất ngoại kiểm HbA1c 2 thông số. Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: máu toàn phần. Mẫu dạng đông khô, Bảo quản: 2-8°C.	Nhóm 6	mL	3
90	Hóa chất ngoại kiểm Khí Máu	Hóa chất ngoại kiểm Khí máu đáp ứng 11 thông số khí máu. Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Aqueous material. Mẫu dạng lỏng, Bảo quản: 2-8°C.	Nhóm 6	mL	32
91	Hóa chất ngoại kiểm Miễn Dịch Đặc Biệt 1	Hóa chất miễn dịch đặc biệt 1 đáp ứng 10 thông số trên hệ thống máy Miễn dịch, Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: huyết thanh người. Mẫu dạng đông khô, Bảo quản: 2-8°C.	Nhóm 6	mL	12
92	Hóa chất ngoại kiểm Ammonia/ Ethanol	Hóa chất ngoại kiểm Ammonia/Ethanol đáp ứng 2 thông số Ammonia và Ethanol. Mẫu dạng lỏng, Bảo quản: 2-8°C.	Nhóm 6	mL	12
93	Hóa chất ngoại kiểm nước tiểu	Hóa chất ngoại kiểm nước tiểu đáp ứng 14 thông số tổng phân tích nước tiểu, chu kỳ từ tháng 1 hàng năm, tần suất chạy mẫu 2 tháng 01 lần. Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: nước tiểu của con người. Mẫu dạng lỏng, Bảo quản: 2-8°C.	Nhóm 6	mL	48
94	Hóa chất ngoại kiểm Protein đặc hiệu (CTNK Protein Đặc Hiệu)	Hóa chất ngoại kiểm Protein đặc hiệu đáp ứng 26 thông số. Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: từ người. Mẫu dạng lỏng, Bảo quản: 2-8°C.	Nhóm 6	mL	12
95	Hóa chất ngoại kiểm Sinh Hóa	Hóa chất ngoại kiểm Sinh hóa đáp ứng 56 thông số sinh hóa thường qui. Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Huyết thanh tương tự người (Human based serum). Mẫu dạng đông khô, Bảo quản: 2-8°C.	Nhóm 6	mL	40
96	Hóa chất ngoại kiểm Tiền Sản	Hóa chất ngoại kiểm Sàng lọc trước sinh, đáp ứng 6 thông số. Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: huyết thanh người. Mẫu dạng đông khô, Bảo quản: 2-8°C.	Nhóm 6	mL	6
97	Hóa chất ngoại kiểm	Hóa chất ngoại kiểm tốc độ máu lắng. Gồm 1 thông số	Nhóm 6	mL	18

STT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Phân Nhóm	Đơn vị tính	Số lượng
	Tốc Độ Máu Lắng	ESR. Mẫu dạng lỏng, Bảo quản: 2-8°C.			
98	Hóa chất nội kiểm dịch cơ thể của máy xét nghiệm huyết học	Hóa chất nội kiểm dịch cơ thể của máy xét nghiệm huyết học kèm theo bảng giá trị cho 7 thông báo cáo của xét nghiệm dịch cơ thể. Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Các vật liệu có nguồn gốc từ người được sử dụng làm chế phẩm Hóa chất nội kiểm dịch cơ thể đều không phản ứng với kháng nguyên Viêm gan B, âm tính với kháng thể HIV (HIV-1/HIV-2) và viêm gan C, không phản ứng với HIV-1 RNA và HCV RNA với phương pháp NAT, và không phản ứng với xét nghiệm huyết thanh học như Giang mai sử dụng kỹ thuật chuyên biệt bởi cục quản lý dược phẩm và thực phẩm Hoa kỳ Hóa chất nội kiểm dịch cơ thể được sử dụng như chất chuẩn (Control) ở chế độ dịch cơ thể. Bảo quản: 2 - 8 độ C	Nhóm 3	mL	144
99	Hóa chất nội kiểm mức thấp của máy xét nghiệm huyết học	Hóa chất nội kiểm nồng độ thấp của máy xét nghiệm huyết học đính kèm bảng giá trị cho 55 thông số báo cáo. Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Các vật liệu có nguồn gốc từ người được sử dụng làm chế phẩm Hóa chất nội kiểm Level 1 đều không phản ứng với kháng nguyên Viêm gan B, âm tính với kháng thể HIV (HIV-1/HIV-2) và viêm gan C, không phản ứng với HIV-1 RNA và HCV RNA với phương pháp NAT, và không phản ứng với xét nghiệm huyết thanh học như Giang mai sử dụng kỹ thuật chuyên biệt bởi cục quản lý dược phẩm và thực phẩm Hoa kỳ Hóa chất nội kiểm mức thấp được sử dụng như chất chuẩn (Control) cho xét nghiệm công thức máu hoàn chỉnh (CBC), tách phân các thành phần bạch cầu, hồng cầu nhân (NRBC), và hồng cầu lưới (RET) trên dòng máy huyết học. Bảo quản: 2 - 8 độ C	Nhóm 3	mL	150
100	Hóa chất nội kiểm mức trung bình của máy xét nghiệm huyết học	Hóa chất nội kiểm nồng độ trung bình của máy xét nghiệm huyết học đính kèm bảng giá trị cho 55 thông số báo cáo. Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Các vật liệu có nguồn gốc từ người được sử dụng làm chế phẩm Hóa chất nội kiểm Level 1 đều không phản ứng với kháng nguyên Viêm gan B, âm tính với kháng thể HIV (HIV-1/HIV-2) và viêm gan C, không phản ứng với HIV-1 RNA và HCV RNA với phương pháp NAT, và không phản ứng với xét nghiệm huyết thanh học như Giang mai sử dụng kỹ thuật chuyên biệt bởi cục quản lý dược phẩm và thực phẩm Hoa kỳ Hóa chất nội kiểm mức trung bình được sử dụng như chất chuẩn (Control) cho xét nghiệm công thức máu hoàn chỉnh (CBC), tách phân các thành phần bạch cầu, hồng cầu nhân (NRBC), và hồng cầu lưới (RET) trên dòng máy huyết học. Bảo quản: 2 - 8 độ C	Nhóm 3	mL	150
101	Hóa chất nội kiểm mức cao của máy xét nghiệm huyết học	Hóa chất nội kiểm nồng độ cao của máy xét nghiệm huyết học đính kèm bảng giá trị cho 55 thông số báo cáo. Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Các vật liệu có nguồn gốc từ người được sử dụng làm chế phẩm Hóa chất nội kiểm Level 1 đều không phản	Nhóm 3	mL	150

STT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Phân Nhóm	Đơn vị tính	Số lượng
		ứng với kháng nguyên Viêm gan B, âm tính với kháng thể HIV (HIV-1/HIV-2) và viêm gan C, không phản ứng với HIV-1 RNA và HCV RNA với phương pháp NAT, và không phản ứng với xét nghiệm huyết thanh học như Giang mai sử dụng kỹ thuật chuyên biệt bởi cục quản lý dược phẩm và thực phẩm Hoa kỳ Hóa chất nội kiểm mức cao được sử dụng như chất chuẩn (Control) cho xét nghiệm công thức máu hoàn chỉnh (CBC), tách phân các thành phần bạch cầu, hồng cầu nhân (NRBC), và hồng cầu lưới (RET) trên dòng máy huyết học. Bảo quản: 2 - 8 độ C			
102	Hóa chất nhuộm huỳnh quang trên kênh đo RET của máy xét nghiệm huyết học	Hóa chất nhuộm huỳnh quang trên kênh đo RET của máy xét nghiệm huyết học Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Polymethine dye; methanol; Ethylene Glycol Fluorocell RET được thêm vào mẫu pha loãng được duy trì ở nhiệt độ không đổi trong một khoảng thời gian xác định để nhuộm các tế bào hồng cầu lưới trong mẫu. Tế bào được nhuộm sau đó được đưa vào buồng đo để phân tích cường độ ánh sáng tán xạ thẳng và ánh sáng huỳnh quang bên, từ đó phát hiện được số lượng tế bào hồng cầu lưới (RET#) và phần trăm tế bào hồng cầu lưới (RET%). Bảo quản: 2 - 35 độ C	Nhóm 3	mL	72
103	Hóa chất pha loãng mẫu cho quá trình xét nghiệm hồng cầu lưới và tiểu cầu huỳnh quang của máy xét nghiệm huyết học	Hóa chất pha loãng mẫu cho quá trình xét nghiệm hồng cầu lưới và tiểu cầu huỳnh quang của máy xét nghiệm huyết học Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Tricine buffer Hóa chất pha loãng mẫu được dùng để pha loãng mẫu máu toàn phần dùng trong phân tích hồng cầu lưới và tiểu cầu theo phương pháp nhuộm tiểu cầu huỳnh quang Bảo quản: 2 - 35 độ C	Nhóm 3	Lít	6
104	Hóa chất pha loãng mẫu của máy xét nghiệm huyết học và kéo lam tự động.	Hóa chất pha loãng mẫu của máy xét nghiệm huyết học và kéo lam tự động. Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Sodium chloride; Tris buffer; EDTA-2K Hóa chất pha loãng mẫu được dùng để pha loãng mẫu máu toàn phần dùng trong phân tích số lượng & kích thước hồng cầu và tiểu cầu theo phương pháp tập trung dòng chảy thủy động học. Bảo quản: 2 - 35 độ C	Nhóm 4	Lít	8.800
105	Hóa chất ly giải màng tế bào trên kênh đo WDF của máy xét nghiệm huyết học	Hóa chất ly giải màng tế bào trên kênh đo WDF của máy xét nghiệm huyết học Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Organic quaternary ammonium salts; Nonionic surfactant Lysercell WDF ly giải tế bào hồng cầu và tạo điều kiện cho Fluorocell WDF nhuộm các tế bào bạch cầu để phân tích được: bạch cầu trung tính, tế bào lympho, bạch cầu mono, bạch cầu ưa axit. Bảo quản: 2 - 35 độ C	Nhóm 4	Lít	365
106	Hóa chất ly giải màng tế bào trên kênh đo WNR của máy xét nghiệm huyết học	Hóa chất ly giải màng tế bào trên kênh đo WNR của máy xét nghiệm huyết học Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Organic quaternary ammonium salts; Nonionic surfactant Lysercell WNR ly giải tế bào hồng cầu và tạo điều kiện cho Fluorocell WNR nhuộm để phân tích được: Bạch	Nhóm 4	Lít	355

STT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Phân Nhóm	Đơn vị tính	Số lượng
		cầu ưa kiềm và hồng cầu nhân Bảo quản: 2 - 35 độ C			
107	Hóa chất ly giải màng tế bào trên kênh đo WPC của máy xét nghiệm huyết học	Hóa chất ly giải màng tế bào trên kênh đo WPC của máy xét nghiệm huyết học Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Chất diện hoạt anion, Chất diện hoạt không anion Lysercell WPC ly giải tế bào hồng cầu và kết hợp với Fluorocell WPC để nhận diện những tế bào bất thường hay tế bào chưa trưởng thành. Bảo quản: 2 - 35 độ C	Nhóm 3	Lít	3
108	Hóa chất ly giải hồng cầu trên kênh đo HGB của máy xét nghiệm huyết học	Hóa chất ly giải hồng cầu trên kênh đo HGB của máy xét nghiệm huyết học Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Sodium lauryl sulfate SULFOLYSER dựa trên phương pháp Sodium Lauryl Sulfate Chất hoạt động bề mặt ion âm Sodium Lauryl Sulfate (SLS) sẽ được ly giải màng hồng cầu và giải phóng huyết sắc tố. Đồng thời, cùng hóa chất này sẽ kết hợp với huyết sắc tố đã được ly giải tạo thành một liên kết ổn định. Thiết bị phân tích sẽ chiếu ánh sáng bước sóng thích hợp và đo độ hấp thụ. Bảo quản: 2 - 30 độ C	Nhóm 3	Lít	126
109	Hóa chất rửa máy huyết học khi tắt thiết bị	Hóa chất rửa máy huyết học khi tắt thiết bị Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Sodium Hypochlorite Được sử dụng như chất tẩy kiềm mạnh để loại bỏ thuốc thử ly giải, dư lượng tế bào và protein máu còn lại trong thủy lực của dòng máy phân tích huyết học tự động xét nghiệm để ngăn chặn sự kết tủa của protein trong máy. Bảo quản: 2 - 30 độ C	Nhóm 3	mL	1.680
110	Hóa chất nhuộm huỳnh quang tiểu cầu của máy xét nghiệm huyết học	Hóa chất nhuộm huỳnh quang tiểu cầu của máy xét nghiệm huyết học Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Oxazine Ethylene glycol Bảo quản: 2 - 35 độ C	Nhóm 3	mL	48
111	Hóa chất nhuộm huỳnh quang trên kênh đo WDF của máy xét nghiệm huyết học	Hóa chất nhuộm huỳnh quang trên kênh đo WDF của máy xét nghiệm huyết học Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Polymethine Methanol Ethylene glycol Fluorocell WDF sau đó được thêm vào và mẫu pha loãng được duy trì ở nhiệt độ không đổi trong một khoảng thời gian xác định để nhuộm các tế bào nhân trong mẫu. Tế bào được nhuộm sau đó được đưa vào buồng đo để phân tích cường độ ánh sáng tán xạ bên và ánh sáng huỳnh quang bên từ đó có số lượng bạch cầu Bảo quản: 2 - 35 độ C	Nhóm 3	mL	5.460
112	Hóa chất nhuộm huỳnh quang trên kênh đo WNR của máy xét nghiệm huyết học	Hóa chất sử dụng để nhuộm nhân tế bào nhằm đếm số lượng bạch cầu, số lượng bạch cầu basophils, số lượng hồng cầu nhân Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Polymethine Ethylene glycol Bảo quản: 2 - 35 độ C	Nhóm 3	mL	6.068
113	Hóa chất nhuộm huỳnh quang trên kênh đo	Hóa chất nhuộm huỳnh quang trên kênh đo WPC của máy xét nghiệm huyết học	Nhóm 3	mL	48

STT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Phân Nhóm	Đơn vị tính	Số lượng
	WPC của máy xét nghiệm huyết học	Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Polymethine, Ethanol Ethylene glycol Hóa chất nhuộm huỳnh quang trên kênh đo WPC của máy xét nghiệm huyết học được thêm vào và mẫu pha loãng được duy trì ở nhiệt độ không đổi trong một khoảng thời gian xác định để nhuộm các tế bào nhân trong mẫu. Tế bào được nhuộm sau đó được đưa vào buồng đo để phân tích cường độ ánh sáng tán xạ thẳng, ánh sáng tán xạ bên và ánh sáng huỳnh quang bên từ đó phát hiện được những loại tế bào non khác nhau Bảo quản: 2 - 35 độ C			
114	Ống nghiệm đựng mẫu nước tiểu	Ống trong suốt làm bằng nhựa PP, có nắp đậy bằng nhựa. Ống tube 16x100mm, nắp Tube 16x20mm	Nhóm 5	Cái	361.000
115	Lọ đựng mẫu bệnh phẩm 40-50mL	Lọ lấy mẫu bệnh phẩm không tiết khuẩn - Dung tích: 40-50mL. - Chất liệu: nhựa PS trong suốt, không phản ứng với hóa chất, bệnh phẩm bên trong. - Tiêu chuẩn: ISO 13485.	Nhóm 5	Cái	12.000
116	Ống nghiệm nhựa PS/PP 5mL có nắp, tiết khuẩn	Ống nghiệm nhựa tiết khuẩn - Kích thước ống: đường kính 13 (+/- 2) mm; chiều dài 75 (+/- 5) mm. - Dung tích tối đa 6mL - Chất liệu nhựa PS/PP trong suốt, không lẫn tạp chất. Nắp màu trắng - Tiêu chuẩn: ISO 13485	Nhóm 5	Cái	10.000
117	Ống nghiệm lấy máu chân không, chứa chống đông EDTA K2 2mL	Dung dịch chất chống đông: K2 EDTA dạng phun sương trên thành ống. - Thể tích lấy mẫu chân không: 2mL - Kích thước ống: đường kính ngoài 13 (+/- 2) mm; chiều dài ống 75 (+/- 5) mm; - Chất liệu ống: PET, chống sốc, trong suốt, tránh va chạm gây nứt trong quá trình vận chuyển, lấy máu, bảo quản, và xét nghiệm. - Nắp gồm 2 phần: phần bằng cao su butyl để duy trì chân không và để cắm kim trong quá trình lấy máu; phần nắp bằng nhựa PE - Ống đã được tiết trùng - Đóng gói: Hộp kín được niêm phong tránh ánh sáng và tiếp xúc hóa chất - Tiêu chuẩn: ISO 13485/CE	Nhóm 3	Cái	215.000
118	Ống nghiệm lấy máu chân không, chứa chống đông Lithium Heparin 4mL, nắp màu hồng	Dung dịch chất chống đông: Lithium Heparin dạng phun sương. - Thể tích lấy mẫu chân không: 4mL - Kích thước ống: đường kính ngoài 13 (+/- 2) mm; chiều dài ống 75 (+/- 5) mm; - Chất liệu ống: PET, - Nắp gồm 2 phần: phần bằng cao su butyl để duy trì chân không và để cắm kim trong quá trình lấy máu; phần nắp bằng nhựa PE - Ống đã được tiết trùng - Đóng gói: Hộp kín được niêm phong tránh ánh sáng và tiếp xúc hóa chất - Tiêu chuẩn: ISO 13485/CE	Nhóm 3	Cái	505.000
119	Ống nghiệm lấy máu chân không, chứa chống đông Lithium Heparin 2mL	Dung dịch chất chống đông: Lithium Heparin dạng phun sương. - Thể tích lấy mẫu chân không: 2mL - Kích thước ống: đường kính ngoài 13 (+/- 2) mm;	Nhóm 3	Cái	430.000

STT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Phân Nhóm	Đơn vị tính	Số lượng
		chiều dài ống 75 (+/- 5) mm; - Chất liệu ống: PET, chống sốc, trong suốt, - Nắp gồm 2 phần: phần bằng cao su butyl để duy trì chân không và dễ cắm kim trong quá trình lấy máu; phần nắp bằng nhựa PE - Ống đã được tiệt trùng - Đóng gói: Hộp kín được niêm phong tránh ánh sáng và tiếp xúc hóa chất - Tiêu chuẩn: ISO 13485/CE			
120	Ống nghiệm lấy máu chân không Clot Activator 4mL	Ống chứa hoạt chất micronized silica dạng phun khô trên thành ống làm tăng sự đông máu. - Thể tích lấy mẫu: 4mL - Kích thước ống: đường kính ngoài 13 (+/- 2) mm; chiều dài ống 75 (+/- 5) mm; - Chất liệu ống: PET, trong suốt, - Nắp gồm 2 phần, phần bằng cao su butyl để duy trì chân không và kim có thể đâm xuyên qua khi lấy máu; phần nắp bằng nhựa PE - Ống đã được tiệt trùng - Đóng gói: Hộp kín được niêm phong tránh ánh sáng và tiếp xúc hóa chất - Tiêu chuẩn: ISO 13485/CE	Nhóm 3	Cái	110.000
121	Dung dịch rửa giải trước vùng A0 và biến thể Hb (HbC)	Dung dịch rửa giải trước vùng A0 và biến thể Hb (HbC) được dùng để xác định lượng HbA1c trong mẫu máu toàn phần của người. - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần sau: Sodium azide, Oxidizing agent, Phosphate. - pH: 7,05 ± 0,03 - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485. Đóng gói: ≤ 1500 mL/ Hộp	Nhóm 3	mL	43.200
122	Cột chứa hóa chất xét nghiệm HbA1C theo phương pháp HPLC	Cột chứa hóa chất xét nghiệm HbA1C Chức năng: Định lượng các thành phần của HbA1c bằng phương pháp sắc ký trao đổi ion. - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần sau: Hydrophilic polymer of methacrylate esters copolymer. - Tích hợp bộ tiền lọc (Pre-Filter) Dùng trong việc định lượng HbA1C trong mẫu máu toàn phần của người - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485. Đóng gói: ≤ 4500 test/ Hộp	Nhóm 3	Test	36.000
123	Dung dịch rửa giải trước vùng A0 và làm bền cột sắc ký	Dung dịch rửa giải trước vùng A0 và làm bền cột sắc ký được dùng để xác định lượng HbA1c trong mẫu máu toàn phần của người. - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần sau: Sodium azide, Oxidizing agent, Phosphate. - PH: 8,05 ± 0,2 - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485. Đóng gói: ≤ 3000 mL/ Hộp	Nhóm 3	mL	72.000
124	Dung dịch rửa giải trước vùng A0 và biến thể Hb (HbS)	Dung dịch rửa giải trước vùng A0 và biến thể Hb (HbS) được dùng để xác định lượng HbA1c trong mẫu máu toàn phần của người. - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần sau: Sodium azide, Oxidizing agent, Phosphate - PH: 7,05±0,03 - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485. Đóng gói: ≤ 1500 mL/ Hộp	Nhóm 3	mL	60.000
125	Dung dịch pha loãng	Dung dịch pha loãng mẫu máu toàn phần khi xét	Nhóm 3	Lít	192

STT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Phân Nhóm	Đơn vị tính	Số lượng
	mẫu máu toàn phần khi xét nghiệm HbA1C	th nghiệm HbA1C được dùng để xác định lượng HbA1c trong mẫu máu toàn phần của người. - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần sau: Sodium azide, Surfactant, Phosphate. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485. Đóng gói: ≤ 8 lít/ Hộp			
126	Hóa chất kiểm chuẩn của máy HbA1C	Hóa chất kiểm chuẩn của máy HbA1C - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Hemoglobin, human Potassium Cyanic - Bảo quản: nhiệt độ 2-8°C. - Mục đích sử dụng: - Dùng để theo dõi độ chính xác và độ đúng của quy trình định lượng HbA1c - Đóng gói: ≤ 20 mL/ Hộp	Nhóm 6	mL	4
127	Hóa chất định lượng HbA1c nguyên tắc sắc ký ái lực	Bộ hóa chất chạy xét nghiệm HbA1c trên máy sắc ký lỏng hiệu năng cao -Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Dung dịch Methanol, dung dịch Ammonia, Dung dịch Diluent, Ethanol, TRITON X100, Sodium azide. Cột phân tích - Bảo quản: cột ở 2 – 8 độ C, dung dịch ở 2 – 28 độ C - Đóng gói: ≤ 2000 test/ hộp - Bộ cột và hóa chất hoàn chỉnh ≤ 500 test xét nghiệm HbA1C	Nhóm 3	Test	38.000
128	Dung dịch kiểm chuẩn HbA1c Calibrator	Hóa chất hiệu chuẩn HbA1c mức 1 và 2, được sử dụng để hiệu chuẩn của xét nghiệm định lượng HbA1c theo nguyên lý ái lực (affinity) -Thành phần: tối thiểu gồm Máu toàn phần, bột đông khô, cần hoàn nguyên trước khi sử dụng - Bảo quản: 2 – 8 độ C. - Đóng gói: ≤ 5 mL/ hộp	Nhóm 3	mL	6

CÔNG TY:

ĐỊA CHỈ:

SỐ ĐIỆN THOẠI:

BẢNG BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện Đại học Y Dược TPHCM

Địa chỉ: 215 Hồng Bàng, Phường 11, Quận 5, TPHCM

Theo công văn mời chào giá số/BVĐHYD-KD của Bệnh viện, Công ty chúng tôi báo giá như sau:

TT	TT trong danh mục mời chào giá	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Mã hàng	Đặc tính kỹ thuật	Phân nhóm theo TT14	Đơn vị tính	Quy cách đóng gói	Nhà sản xuất	Nước sản xuất	Hãng/ Nước chủ sở hữu	Số đăng ký lưu hành/ Số phiếu tiếp nhận/ Giấy phép nhập khẩu	Đơn giá có VAT (VND)	Số lượng có khả năng cung ứng	Mã hồ sơ kê khai giá	Giá kê khai

- Báo giá này có hiệu lực ngày kể từ ngày báo giá.

- Chúng tôi cam kết về đơn giá chào hàng bằng hoặc thấp hơn giá trên thị trường của cùng nhà cung ứng hoặc cùng chủng loại.

- Các yêu cầu khác:

Ngày ... tháng năm

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

(Ký tên và đóng dấu)